TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 20

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 687 đọc là:

A. Sáu trăm tám mươi bảy **B.** Sáu trăm bảy mươi tám

C. Bảy trăm tám mươi sáu **D.** Sáu trăm chín mươi bảy

Câu 2. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép chia 56 : 8 là:

A. 6 **B.** 48 **C.** 8 **D.** 7

Câu 3. *(0,5 điểm)* Phép chia 38 : 3 có số dư là:

A. 2 **B.** 4 **C.** 12 **D.** 1

Câu 4. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức (28 + 16) × 4 là:

A. 92 **B.** 187 **C.** 176 **D.** 173

Câu 5. *(0,5 điểm)* Số lớn là 36, số bé là 9. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 45 lần **B.** 5 lần **C.** 4 lần **D.** 27 lần

Câu 6. *(0,5 điểm)* Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?

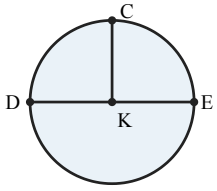


A. 1/5 **B.** 1/2 **C.** 1/9 **D.** 1/8

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 9 cm 7 mm = …… mm

A. 97 **B.** 907 **C.** 79 **D.** 16

Câu 8. *(0,5 điểm)* Trong hình bên, đường kính DE dài 22 cm. Bán kính KC dài:



A. 12 cm **B.** 44 cm **C.** 11 cm **D.** 22 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) 134 + 70 × 7 = …….

b) 90 − 63 : 9 = …….

c) (38 + 52) × 4 = …….

Câu 10. *(1 điểm)* Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) ……. × 9 = 72

b) ……. : 8 = 24

c) ……. + 396 = 522

d) 24 : ……. = 4

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6, 9, 12, ……., 18, …….

b) 269, 279, ……., 299, 309, …….

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 9 trăm, 1 chục, 0 đơn vị viết là: …….

b) Số lớn nhất trong các số 180, 114, 441, 975, 871 là: …….

c) Số bé nhất trong các số trên là: …….

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: …….

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 10 cm thì đường kính là ……. cm.

b) Hình tròn có đường kính 14 dm thì bán kính là ……. dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 12 mm. Đoạn MB dài ……. mm.

Câu 14. *(1 điểm)* Mỗi hộp có 9 cái bánh. Dũng mua 3 hộp bánh và 9 cái bánh lẻ. Hỏi Dũng mua tất cả bao nhiêu cái bánh?

a) 3 hộp có: ……. cái bánh

b) Tất cả có: ……. cái bánh

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 20

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	A	C	C	B	A	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 134 + 70 × 7 = 134 + 490 = 624

b) 90 − 63 : 9 = 90 − 7 = 83

c) (38 + 52) × 4 = 90 × 4 = 360

Câu 10.

a) 72 : 9 = 8

b) 24 × 8 = 192

c) 522 − 396 = 126

d) 24 : 4 = 6

Câu 11.

a) Đếm thêm 3: 6, 9, 12, 15, 18, 21

b) Mỗi số hơn số trước 10 đơn vị: 269, 279, 289, 299, 309, 319

Câu 12.

a) 910

b) Số lớn nhất là 975

c) Số bé nhất là 114

d) 975 + 1 = 976

Câu 13.

a) 10 × 2 = 20 (cm)

b) 14 : 2 = 7 (dm)

c) 12 : 2 = 6 (mm)

Câu 14.

3 hộp: 9 × 3 = 27 (cái)

Tất cả: 27 + 9 = 36 (cái)